TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN
Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/05/2025
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Lý
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lưu Thị T- sinh năm 1977 (có mặt)
Nơi thường trú: Xóm B, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
Nơi ở hiện nay: Xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Nơi thường trú: Xóm B, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa bà* Lưu Thị T *trình bày*: Bà kết hôn với ông Trần Văn H trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật năm 1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại B, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau bình thường, do cuộc sống làm ăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn từ những vấn đề nhỏ nhặt trong cuộc sống, từ lời nói giữa vợ chồng và mâu thuẫn với gia đình bên chồng. Đến năm 2022, mâu thuẫn trở lên gay gắt, ông H đánh đuổi bà và bà phải về bên ngoại sinh sống và sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên Trần Văn H1, sinh ngày 11/11/1996 và Trần Văn H2, sinh ngày 23/8/1998. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn ông* Trần Văn H *khai:* Ông có đăng ký kết hôn với bà Lưu Thị T năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, việc kết hôn có tự nguyện, có tìm hiểu. Ông cho rằng trong thời gian đầu sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó dần dần phát sinh mâu thuẫn do lối sống, quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đầu năm 2025, bà T chuyển về bên ngoại sống. Ông xác định ông không bỏ bà T nhưng bà T cương quyết xin ly hôn thì ông cũng nhất trí.

Về con chung: Ông H cũng xác định vợ chồng có 02 con chung, tên Trần Văn H1, sinh ngày 11/11/1996 và Trần Văn H2, sinh ngày 23/8/1998. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã tiến hành thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H như: Thông báo thụ lý vụ án số 45/TB-TLVA ngày 24/3/2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập phiên tòa. Ông H cung cấp lời khai, tuy nhiên, ông H vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được. Đồng thời ông H có đề nghị xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án và đề nghị xét xử vắng mặt ông. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, 179, 180, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Lưu Thị T, cho bà T được ly hôn ông Trần Văn H; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên Trần Văn H1, sinh ngày 11/11/1996 và Trần Văn H2, sinh ngày 23/8/1998. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Bà T phải chịu chi phí tố tụng và án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp ly hôn bị đơn ông Trần Văn H có nơi cư trú tại xóm B, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lưu Thị T và ông Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống bà T1 ông H không có tiếng nói chung, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, do vậy, mâu thuẫn giữa ông H và T đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn ông H là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông H, bà T có 02 con chung, tên Trần Văn H1, sinh ngày 11/11/1996 và Trần Văn H2, sinh ngày 23/8/1998. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Do ông H không có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung, nợ chung khi có yêu cầu.

[3.] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tại phiên tòa là phù hợp, nên có căn cứ chấp nhận.

[4.] Về án phí: Bà Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5.] Q kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ pháp luật: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, 179, 180, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị T. Cho bà T được ly hôn ông Trần Văn H.

2.2. Về con chung: Ông H, bà T có 02 con chung, tên Trần Văn H1, sinh ngày 11/11/1996 và Trần Văn H2, sinh ngày 23/8/1998. Hiện nay đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết, giành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác cho các đương sự khi có yêu cầu.

2.4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lưu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)*nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004868 ngày 24/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (bà Lưu Thị T) có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (ông Trần Văn H) vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- UBND xã/TT;
- Lưu: HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Lý